

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRIỆU SƠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 16 – 4 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Lê Thị Mai
- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Minh Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn C- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐDS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.
Địa chỉ: Số B - B đường N, phường H, Quận C, Tp ..
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức danh: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng S. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Ngọc T – Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông Trần Gia T1, chức vụ: Chuyên viên

*** Bị đơn:** Ông Lê Như H, sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/09/2022, ông Lê Như H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông H Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22,600,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 100,000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Theo Điều 24 của Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 25.988.556đ làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 16/4/2025, ông H còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc: 25,988,556 đồng

Lãi quá hạn (lãi suất áp dụng 4,149% (2,766% x 150%): 28.609.832 đồng

Tổng cộng: 54.598.388 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán ngay khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc ông Lê Như H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 54.598.388 đồng, trong đó:

- Dư nợ gốc: 25,988,556 đồng

- Lãi quá hạn: 28.609.832 đồng

2. Ông Lê Như H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn phát biểu quan điểm:**

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải đúng trình tự tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên toà: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

II. Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 90,91,95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc là 25.988.556đ và tiền lãi quá hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Bị đơn phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Biên bản xác minh, bị đơn ông Lê Như H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Do bị đơn cư trú tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Lê Như H trả số tiền nợ thẻ tín dụng. Do đó xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. căn cứ Điều 207 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/9/2022 của Ngân hàng với ông Lê Như H được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức, nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; phù hợp với Điều 398, 463 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết của Hợp đồng.

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc: Căn cứ bản sao kê do Ngân hàng cung cấp ngày 16/4/2025 cho thấy ông H đã giao dịch bằng thẻ tín dụng số 472074-3338 từ ngày 19/9/2022, đến ngày 11/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông H do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng có quy định "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự

vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán". Như vậy, ông H không thanh toán số tiền nợ gốc là 25.988.566đ cho Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.988.566đ.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo Điều 23 và Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng mà ông H đang sử dụng là "áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại", như vậy theo thỏa thuận ông H phải chịu lãi suất 4,149%/tháng ($2.766\% \times 150\%$).

Nguyên đơn yêu cầu ông H trả tiền lãi quá hạn kể từ ngày 11/2/2023 đến ngày 16/4/2023 là 28.609.832 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi ông H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19/9/2022

Do đó yêu cầu trả lãi của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả lãi của nguyên đơn.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lê Như H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 54.598.388 đồng. (Trong đó số tiền nợ gốc là 25.988.556 đồng và tiền lãi là 28.609.832 đồng)

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 17/4/2025 cho đến khi ông H thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19/9/2022.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Như H phải chịu 2.730.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.351đồng, theo biên lai thu tiền số 0004275 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan